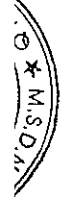
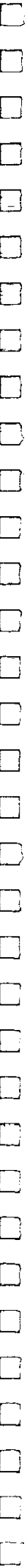


**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỬ LÝ ĐIỆN TOÁN  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



**MỤC LỤC**

<b>TRANG</b>	<b>NỘI DUNG</b>
1	BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
2 - 3	BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
4 - 5	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
6	BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
7	BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
8 - 20	THUYẾT MINH BẢO CÁO TẠI CHÍNH
1	PHỤ LỤC: BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Theo Mẫu số B02-XS - Ban hành kèm theo Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty TNHH một thành viên Xổ sở Điện toàn Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1639/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 01 năm 2014)

**BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện toản Việt Nam (gọi tắt là "Công ty")  
đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31  
tháng 12 năm 2017.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo  
này gồm:

**Chủ tịch Công ty**

Ông Lê Văn Hoan

Chủ tịch Công ty

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Quốc Trường

Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)

Ông Nguyễn Thanh Đàm

Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Giao phụ trách ban điều hành

ngày 01 tháng 10 năm 2017)

Ông Phạm Quang Huy

Phó Tổng Giám đốc

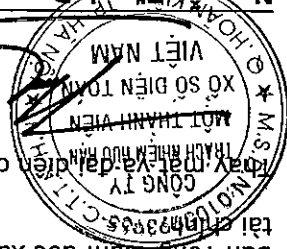
**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và  
hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động  
kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn  
mức kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc  
lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được  
yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch  
trong yêu cầu được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty  
sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình  
bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù  
hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo  
rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các  
quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng  
chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để  
ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo  
tài chính và chịu trách nhiệm pháp lý đối với báo cáo tài chính này.



Nguyễn Thanh Đàm  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

Số: 480 /VNTA-HN-BC

**BẢO CẢO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 4 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán dựa trên dự đoán trên kết quả của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày công bố báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**

*Y kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phân ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Thị Thủy Ngọc**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 0031-2018-001-1

**Bùi Thị Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 3829-2016-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam  
Ngày 28 tháng 02 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGÂN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.136.574.644,523</b>	<b>959.605.270,571</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>810.501.314,933</b>	<b>660.580.941,353</b>
1. Tiền	111		510.501.314,933	60.580.941,353
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000,000	600.000.000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>300.000.000,000</b>	<b>283.000.000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		300.000.000,000	283.000.000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.416,286,112</b>	<b>3.299,499,397</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		151,933,334	153,467,742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4,358,562,802	27,798,879
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>6</b>	14,905,789,976	3,118,232,776
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>2.859,421,492</b>	<b>9.382,707,992</b>
1. Hàng tồn kho	141		2,859,421,492	9,382,707,992
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>8</b>	<b>3,797,621,986</b>	<b>3,342,121,829</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,797,621,986	3,342,121,829
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49,736,665,130</b>	<b>38,412,699,039</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>6</b>	<b>2,647,110,640</b>	<b>1,837,090,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		2,647,110,640	1,837,090,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>10</b>	<b>25,363,082,710</b>	<b>17,537,891,961</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		20,731,626,332	15,233,211,992
- Nguyên giá	222		28,240,613,195	18,297,473,349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,508,986,863)	(3,064,261,357)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>11</b>	4,631,456,378	2,304,679,969
- Nguyên giá	228		5,936,067,313	3,147,046,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,304,610,935)	(842,366,031)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>2,127,545,454</b>	<b>3,763,636,364</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,127,545,454	3,763,636,364
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>8</b>	<b>19,598,926,326</b>	<b>15,274,080,714</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19,598,926,326	15,274,080,714
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.186,311,309,653</b>	<b>998,017,969,610</b>

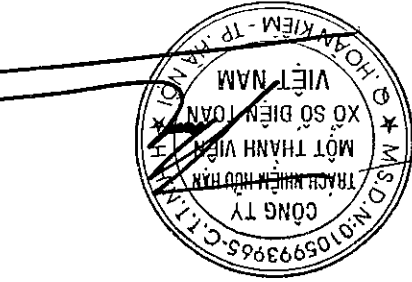
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>637.989.329.397</b>	<b>606.073.494.218</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		634.614.329.397	606.073.494.218
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	123.194.802.406	125.644.030.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	61.171.459.307	108.519.828.959
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	92.469.520.011	267.817.944.302
4. Phải trả người lao động	314	15	15.252.368.845	5.311.646.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	329.244.668.215	55.912.079.286
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	9.567.090.909	40.074.853.756
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.275.980.577	2.730.401.447
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		438.439.127	62.709.027
II. Nợ dài hạn	330		3.375.000.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		3.375.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>548.321.980.256</b>	<b>391.944.475.392</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	548.321.980.256	391.944.475.392
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.629.804.652	5.780.660.049
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		216.692.175.604	86.163.815.343
<b>TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.186.311.309.653</b>	<b>998.017.969.610</b>



Người lập biểu: Nguyễn Thị Bích Liên  
 Kế toán trưởng: Nguyễn Anh Tuấn  
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách: Nguyễn Thanh Đàm  
 Ngày 28 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU Mã số Thuyết minh Năm nay Năm trước

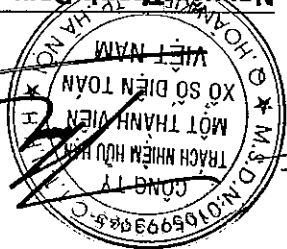
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	3.069.535.048.747	1.222.834.854.901
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	10	3.069.535.048.747	1.222.834.854.901
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.822.933.892.475	1.107.082.618.027
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	11	246.601.156.272	115.752.236.874
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	29.320.774.219	22.058.668.146
6. Chi phí tài chính	22	22	121.000	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	48.244.388.324	31.015.252.524
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-26)	30	30	227.677.421.167	106.795.652.496
9. Thu nhập khác	31	23	43.187.798.386	909.116.682
10. Chi phí khác	32	32	48	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	40	43.187.798.338	909.116.682
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	50	270.865.219.505	107.704.769.178
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	54.173.043.901	21.540.953.835
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	60	216.692.175.604	86.163.815.343

Người lập biểu  
 Nguyễn Thị Bích Liên

Người Anh Tuấn  
 Kế toán trưởng

Người Thành Đạt  
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018





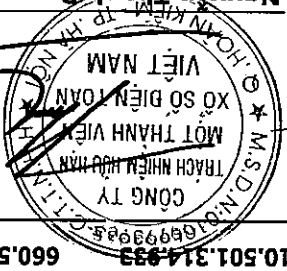
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
 Nguyễn Thanh Đàm

Kế toán trưởng  
 Nguyễn Anh Tuấn

Người lập biểu  
 Nguyễn Thị Bích Liên



CHI TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	270.865.219.505	107.704.769.178
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.906.970.410	1.300.926.481
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.320.774.219)	(22.058.668.146)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	246.451.415.696	86.947.027.513
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.442.040.132)	3.457.456.912
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.523.286.500	(9.382.707.992)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	42.406.128.199	578.327.048.926
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.780.345.769)	(18.095.666.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(66.098.371.042)	(1.041.662.068)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.821.107.762)	(239.850.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	216.238.965.690	639.971.646.691
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(10.036.766.228)	(13.980.342.556)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(380.000.000.000)	(318.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	363.000.000.000	295.000.000.000
4. Thu lại tiền gửi	27	17.836.006.996	20.154.638.146
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(9.200.759.232)	(16.825.704.410)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH</b>			
1. Có tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(57.117.832.878)	(57.117.832.878)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tại chính	40	(57.117.832.878)	(57.117.832.878)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	149.920.373.580	623.145.942.281
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	660.580.941.353	37.434.999.072
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	810.501.314.933	660.580.941.353

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

**THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện toàn Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn được thành lập theo Quyết định số 2933/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105993965 sửa đổi ngày 12 tháng 10 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1688888868 ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 15, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 177 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 121 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại hình sản phẩm xổ số tự chọn số điện toàn và thực hiện các chức năng kinh doanh các loại hình trò chơi giải trí có thưởng khác theo quy định của pháp luật.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

\\s...m.v.v.\\

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các chi nhánh của Công ty tái ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Ngày thành lập
---------------	----------------------------	----------------

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 8, số 93-95 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tháng 2 năm 2016
Chi nhánh Cần Thơ	Tầng 3, số 14-16B, Dải lộ Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Tháng 6 năm 2016
Chi nhánh Khánh Hòa	Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thành, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Tháng 11 năm 2016
Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 04 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Tháng 11 năm 2016
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 6, toà nhà MB Hải Phòng, số 06 lô 30A đường Lê Hồng Phong, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Tháng 12 năm 2016

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện chi phí trực tiếp kinh doanh xố số điện toán đã phát sinh tương ứng với số tiền bán về thu được trong năm từ các sản phẩm xố số có các kỹ quay thường thực hiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc khi phát sinh và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các kỹ quay thường được thực hiện và công bố.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho là công cụ, dụng cụ được xác định trên cơ sở giá trị lập hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Hàng tồn kho**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sâu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nợ phải thu**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tìm tăng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Ước tính kế toán**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thi công sửa chữa, hoàn thiện văn phòng làm việc của Công ty, công cụ dụng cụ dùng và các chi phí trả trước khác.

**Các khoản trả trước**

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích quản trị được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản cố định vô hình bao gồm các phần mềm dùng cho bộ phận văn phòng và bản quyền hệ điều hành máy chủ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian lần lượt là 3 năm và 6 năm.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sử hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sử hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

**Thuê tài sản**

Phương tiện vận tải  
Thiết bị văn phòng

05 - 08  
03 - 06

**Số năm  
Năm nay**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được hình thành theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

**Thuế**

Lai tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cấp dịch vụ đó.

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

*Doanh thu từ cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xố số tự chọn số điện thoại là toàn bộ tiền bán về phát sinh trong năm từ các loại hình xố số được phép kinh doanh theo quy định pháp luật đã xác định là tiêu thụ trong năm. Về xố số tự chọn số điện thoại đã bán được xác định là tiêu thụ khi kỳ quay thường trên về đã được thực hiện và công bố.

*Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xố số tự chọn số điện thoại:*

**Ghi nhận doanh thu**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán toàn nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Số tiền thu được từ bán về của các kỳ quay số mở thường sau ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nó phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ từ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
810.501.314.933	660.580.941.353
300.000.000.000	600.000.000.000
510.417.435.137	60.535.633.362
83.879.796	45.307.991
Tiền mặt	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	
Các khoản tương đương tiền	

Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐẠO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng.

**6. PHẢI THU KHÁC**

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
14.905.789.976	3.118.232.776
14.572.999.999	3.088.232.776
57.450.000	30.000.000
275.339.977	-
<b>2.647.110.640</b>	<b>1.837.090.000</b>
2.647.110.640	1.837.090.000
Đặt cọc dài hạn	
<b>17.552.900.616</b>	<b>4.955.322.776</b>

**a. Ngân hàng**

Phải thu lãi tiền gửi

Đặt cọc ngân hàng

Phải thu khác

**b. Dài hạn**

Đặt cọc dài hạn

7. HÀNG TỒN KHO

Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND	VND	VND
Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc
Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng
769.210.669	627.184.100	2.090.210.823	8.755.523.892
-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	Công cụ, dụng cụ	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
2.859.421.492	9.382.707.992	-	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND	VND	VND
a) Ngân hàng	a) Ngân hàng	b) Dài hạn	b) Dài hạn
Công cụ, dụng cụ phần bổ ngân hàng	Công cụ, dụng cụ phần bổ ngân hàng	Chi phí thuê Văn phòng	Chi phí thuê Văn phòng
3.054.517.289	3.342.121.829	743.104.697	-
3.797.621.986	3.342.121.829	19.598.926.326	15.274.080.714
5.701.329.890	1.046.539.340	13.897.596.436	14.227.541.374
Thi công sửa chữa, hoàn thiện Văn phòng	Thi công sửa chữa, hoàn thiện Văn phòng	Công cụ, dụng cụ phần bổ dài hạn	Công cụ, dụng cụ phần bổ dài hạn
23.396.548.312	18.616.202.543	-	-



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nợ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	111.067.281.990	305.984.605.173	(385.498.964.130)	31.552.923.033
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.277.237.944	455.694.292.887	(483.371.686.957)	50.599.843.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.506.707.361	54.173.043.901	(66.098.371.042)	8.581.380.220
Thuế thu nhập cá nhân	57.966.717.007	127.425.261.828	(183.656.605.951)	1.735.372.884
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
	<b>267.817.944.302</b>	<b>943.285.203.789</b>	<b>(1.118.633.628.080)</b>	<b>92.469.520.011</b>

**10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Thiết bị văn phòng		Phương tiện vận tải		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	17.177.077.894	1.120.395.455	-	-	18.297.473.349
Mua sắm	5.656.410.754	523.092.728	-	-	6.179.503.482
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	3.763.636.364	-	-	3.763.636.364
Số dư cuối năm	22.833.488.648	5.407.124.547	-	-	28.240.613.195
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	2.562.417.559	501.843.798	-	-	3.064.261.357
Khấu hao trong năm	3.798.030.575	646.694.931	-	-	4.444.725.506
Số dư cuối năm	6.360.448.134	1.148.538.729	-	-	7.508.986.863
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	14.614.660.335	618.551.657	-	-	15.233.211.992
Số dư cuối năm	16.473.040.514	4.258.585.818	-	-	20.731.626.332

Số dư người mua trả tiền trước ngân hàng thể hiện khoản tiền hạn mức nhân trước của đại lý  
 Xổ số tự chọn số điện toán để thực hiện hoạt động bán vé.

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HÀNG**

Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
VND	Gia trị	VND	Gia trị
123.194.802.406	Số có khả năng trả nợ	125.644.030.703	Số có khả năng trả nợ
17.571.433.861		18.456.396.765	
10.250.185.198		30.310.496.114	
95.373.183.347		76.877.137.824	

Văn phòng điều hành dự án của Berjaya Corporation Berhad  
 Đại lý xổ số tự chọn số điện toán  
 Các nhà cung cấp khác

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG**

Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
VND	VND
2.127.545.454	3.763.636.364

Mua sắm tài sản cố định

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
VND	GIA TRỊ CÒN LẠI	VND	GIA TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ
4.631.456.378	Số dư cuối năm	1.304.610.935	Số dư đầu năm
2.304.679.969	Số dư đầu năm	462.244.904	Khấu hao trong năm
		842.366.031	Số dư đầu năm
		3.147.046.000	Tăng trong năm
		5.936.067.313	Số dư cuối năm
		2.789.021.313	Số dư đầu năm
		3.147.046.000	Tăng trong năm
		1.304.610.935	Số dư cuối năm

NGUYÊN GIÁ  
 TĂNG TRONG NĂM  
 SỐ DƯ ĐẦU NĂM  
 TĂNG TRONG NĂM  
 SỐ DƯ CUỐI NĂM

**11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.356.932.237 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.356.932.237 đồng).

\\s\m\ou\h\

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư khoản phải trả người lao động, người quản lý là chi phí tiền lương còn lại chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 trong quý tiền lương thực hiện được tính theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam đang chờ quyết định phê duyệt từ Bộ Tài chính cho giá trị quý tiền lương thực hiện của năm 2017.

Số cuối năm	Số đầu năm
322.323.863.500	55.611.645.500
6.920.804.715	300.433.786
<b>329.244.668.215</b>	<b>55.912.079.286</b>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGÃN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngân hạn phân ánh số tiền bán vé thu được phát sinh trong năm từ các sản phẩm xổ số có các kỳ quay số mở thưởng sẽ được thực hiện sau ngày kết thúc năm tài chính.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu	Phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
300.000.000.000	5.761.127.092	65.109.856	305.826.236.948
-	-	86.163.815.343	86.163.815.343
Trích lập các quỹ	19.532.957	(65.109.856)	(45.576.899)
<b>300.000.000.000</b>	<b>5.780.660.049</b>	<b>86.163.815.343</b>	<b>391.944.475.392</b>
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	216.692.175.604	216.692.175.604
Trích lập các quỹ (1)	25.849.144.603	(29.045.982.465)	(3.196.837.862)
Nộp lợi nhuận về ngân sách nhà nước (1)	-	(57.117.832.878)	(57.117.832.878)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>31.629.804.652</b>	<b>216.692.175.604</b>	<b>548.321.980.256</b>

(1) Việc phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2016 được thực hiện theo công văn số 5580/BTC-TCNH ngày 28/4/2017; Báo cáo số 254/BC-VIETLOTT ngày 22/3/2017 và Quyết định số 465/QĐ-VIETLOTT ngày 25/5/2017. Theo đó, Công ty đã trích lập:

- Quỹ đầu tư phát triển, tương đương với 30% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, tương đương với 3 tháng lương thực hiện bình quân của người lao động;
- Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, tương đương với 1,5 tháng lương thực hiện bình quân của người quản lý doanh nghiệp;
- Lợi nhuận còn lại của năm 2016 (sau khi trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp) được nộp vào ngân sách nhà nước.

\\S\1-0\M\15\11

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tài ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cấp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Số cuối năm		Số đầu năm	
VND		VND		VND	
Bộ Tài chính	500.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000

Theo Quyết định số 2933/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Điện toán Việt Nam, vốn Nhà nước cấp ban đầu là 300.000.000.000 đồng, phần còn lại được bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh từ Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Doanh thu kinh doanh Xổ số tự chọn số điện toán		Doanh thu có thuế Xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành		Doanh thu có thuế Xổ số tự chọn số điện toán đã mở thưởng	
VND		VND		VND	
Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
3.843.021.870.000	1.597.065.600.000	3.881.614.190.000	1.546.370.910.000	3.068.469.715.413	1.222.427.596.837
805.059.917.430	334.563.149.407	3.037.961.952.570	1.262.502.450.593	1.065.333.334	407.258.064
Doanh thu cung cấp dịch vụ		Doanh thu chưa có thuế Xổ số tự chọn số điện toán đã mở thưởng		Doanh thu chưa có thuế Xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành	
3.069.535.048.747	1.222.834.854.901	3.068.469.715.413	1.222.427.596.837	1.065.333.334	407.258.064
Tổng doanh thu chưa có thuế hoạt động kinh doanh		Doanh thu chưa có thuế Xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành		Doanh thu chưa có thuế Xổ số tự chọn số điện toán đã mở thưởng	
3.069.535.048.747	1.222.834.854.901	3.068.469.715.413	1.222.427.596.837	1.065.333.334	407.258.064

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Năm nay	Năm trước
2.076.699.164.500	827.726.291.000
Chi phí trả thường	
310.529.135.200	123.709.672.800
Hoa hồng đại lý xổ số tự chọn số điện toán	
1.055.412.331	365.340.602
Chi phí trả thường cho đại lý xổ số tự chọn số điện toán	
83.882.334.696	33.417.335.132
Bù đắp chi phí đầu tư	
53.606.273.324	21.355.852.903
Phí lợi nhuận định mức	
297.161.572.424	100.508.125.590
Chi phí kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán	
<b>2.822.933.892.475</b>	<b>1.107.082.618.027</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh lãi tiền gửi phát sinh trong năm từ các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Năm nay	Năm trước
18.808.954.602	13.114.445.963
Chi phí nhân viên	
2.758.046.545	1.241.247.148
Chi phí đồ dùng văn phòng	
2.043.343.385	1.059.400.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	
38.865.364	4.652.000
Thuế, phí và lệ phí	
24.595.178.428	15.595.507.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	
<b>48.244.388.324</b>	<b>31.015.252.524</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

Năm nay	Năm trước
37.930.392.500	-
Giải Jackpot của sản phẩm Mega 6/45 không có người lĩnh thưởng	
5.257.405.886	909.116.682
Thu nhập khác	
<b>43.187.798.386</b>	<b>909.116.682</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Năm nay	Năm trước
270.865.219.505	107.704.769.178
Lợi nhuận trước thuế	
270.865.219.505	107.704.769.178
Thu nhập chịu thuế	
20%	20%
Thuế suất thông thường	
<b>54.173.043.901</b>	<b>21.540.953.835</b>

Công ty được áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Năm nay	Năm trước
VND	VND
11.954.719.612	7.317.345.169

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Tài ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
13.296.593.880	9.365.163.873
12.010.407.438	15.594.300.325
<b>25.307.001.318</b>	<b>24.959.464.198</b>

Trong vòng một năm

Từ năm thứ hai đến năm thứ năm

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền mà Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng trụ sở chính Công ty và các chi nhánh. Các hợp đồng thuê được ký từ 2 tháng đến 3 năm.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của người quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm như sau:

Năm nay	Năm trước
VND	VND
2.101.144.896	1.153.132.098

Lương

**27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 14.572.999.999 đồng (năm 2016: 3.088.232.776 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 6.301.905.304 đồng (2016: 5.242.601.283 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Thị Bích Liên  
Người lập biểu

Nguyễn Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Đàm  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Ngày 28 tháng 02 năm 2018

(THEO MẪU SỐ B02-XS - BAN HÀNH KÈM THEO CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM ĐƯỢC BỘ TÀI CHÍNH  
CHẤP THUẬN THEO CÔNG VĂN SỐ 1639/BTC-CĐKT NGÀY 27 THÁNG 01 NĂM 2014)

**PHỤ LỤC: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHI TIẾT Mã số Năm nay Năm trước VND VND

01 Doanh thu có thuế xố số tự chọn số điện toán đã phát hành 3.843.021.870.000 1.597.065.600.000

02 Doanh thu có thuế xố số tự chọn số điện toán đã mở thưởng 3.881.614.190.000 1.546.370.910.000

03 Thuế tính trên doanh thu có thuế xố số tự chọn số điện toán đã phát hành 805.059.917.430 334.563.149.407

04 Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp 349.365.624.545 145.187.781.818

05 Thuế tiêu thụ đặc biệt 455.694.292.885 189.375.367.589

06 Doanh thu chưa có thuế xố số tự chọn số điện toán đã mở thưởng (06=07+08) 3.068.469.715.413 1.222.427.596.837

07 Doanh thu xố số tự chọn số theo ma trận 2.916.882.079.050 1.147.235.272.727

08 Doanh thu xố số tự chọn số theo dãy số 151.587.636.363 75.192.324.110

11 Doanh thu thuần kinh doanh khác 1.065.333.334 407.258.064

12 Tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh (12=06+11) 3.069.535.048.747 1.222.834.854.901

13 Chi phí kinh doanh (13=14+15) 2.822.933.892.475 1.107.082.618.027

14 Chi phí trả thưởng và dự phòng trả thưởng 2.076.699.164.500 827.726.291.000

15 Chi phí trực tiếp kinh doanh xố số tự chọn số điện toán 746.234.727.975 279.356.327.027

20 Lợi nhuận gộp từ kinh doanh xố số tự chọn số điện toán (20=16-14-15) 246.601.156.272 115.752.236.874

20.2 Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (20.2=11) 1.065.333.334 407.258.064

21 Doanh thu hoạt động tài chính 29.320.774.219 22.058.668.146

22 Chi phí tài chính 121.000 -

25 Chi phí quản lý doanh nghiệp 48.244.388.324 31.015.252.524

30 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25) 227.677.421.167 106.795.652.496

31 Thu nhập khác 43.187.798.386 909.116.682

32 Chi phí khác 48 -

40 Lợi nhuận khác (40=31-32) 43.187.798.338 909.116.682

50 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) 270.865.219.505 107.704.769.178

51 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 54.173.043.901 21.540.953.835

60 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) 216.692.175.604 86.163.815.343

Ngày 28 tháng 02 năm 2018  
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
 Nguyễn Thanh Dâm  
 KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 Nguyễn Anh Tuấn

